

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2023
“V/v trAh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH A GIAG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - Ông Tôn Phước Thuận.
 - Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh A GiAg.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh A GiAg không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “TrAh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Đà (Ngọc), sinh năm 1978; địa chỉ: số 593, tổ 15, ấp A B, xã Hòa B, huyện Chợ M, tỉnh A GiAg; có mặt.
- Bị đơn:** Ah Tạ Thế B, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp A Mỹ, xã Hòa A, huyện Chợ M, tỉnh A GiAg; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đà trình bày, chị và Ah B sau thời giA tự tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2007, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Trong thời giA chung sống, vợ chồng không tình cảm, bất đồng quA điểm, tính tình không hợp nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gia chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Thảo, sinh ngày 09/01/2008 hiện nay cháu Thảo đang sống chung với chị Đà, khi ly hôn chị Đà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu Ah B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đà xác định vợ chồng không có.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đà xác định vợ chồng không có.

Bị đơn Ah Tạ Thế B trình bày: Ah thống nhất lời trình bày của chị Đà, về thời gia sống chung, vợ chồng không đăng ký kết hôn, trong thời gia sống chung vợ chồng cũng không tình cảm, bất đồng qua điếm, chị Đà về nhà cha mẹ ruột sống từ cuối năm 2020. Ah và chị Đà không còn sống chung từ cuối năm 2020 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, chị Đà xin ly hôn Ah đồng ý. Do Ah bận công việc gia đình nên Ah không đến để tham gia xét xử cho Ah xin vắng mặt tại các buổi xét xử, Ah không khiếu nại gì về sau.

Về con chung: Trong thời gia chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Thảo, sinh ngày 09/01/2008 hiện nay cháu Thảo đang sống chung với chị Đà, khi ly hôn Ah đồng ý để chị Đà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, Ah không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, chị Đà không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Đà khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ah Tạ Thế B cư trú ấp A Mỹ, xã Hòa A huyện Chợ M, tỉnh A GiAg, Tòa án nhân dân huyện Chợ M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ah Tạ Thế B đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng Ah có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ah B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Đà và Ah B sau thời giA tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Đà và Ah B là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đà xác định trong thời giA chung sống vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Thảo, sinh ngày 09/01/2008 hiện nay cháu Thảo sống chung với chị Đà, khi ly hôn chị Đà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng chăm sóc, nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân đến nay, cháu Thảo sống chung với chị Đà cháu vẫn phát triển B thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Thảo thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị Đà. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Thảo. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu Thảo cho chị Đà được tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đà không yêu cầu Ah B cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đà, Ah B xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Đà phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ah Tạ Thế B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, khoản 2 Điều 53, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Đà và Ah Tạ Thế B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đà được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Ngọc Thảo, sinh ngày 09/01/2008. Ah Tạ Thế B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Đà cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở Ah Tạ Thế B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quA có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đà, Ah Tạ Thế B xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Đà phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013306 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh A GiAg cấp ngày 24 tháng 02 năm 2023; chị Nguyễn Thị Đà đã nộp đủ án phí.

Ah Tạ Thế B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAD tỉnh A GiAg (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn